

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CX
TỈNH HT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2017/HSST
Ngày 29/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C X, TỈNH HT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Minh T

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Minh T

2. Ông Trịnh Ngọc K

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Cẩm Th, cán bộ Toà án nhân dân huyện C X, tỉnh H T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CX,tỉnh HT tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn T, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CX mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2017/HSST ngày 25/8/2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36 ngày 15 tháng 09 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Đình P, Sinh ngày: 03/07/1992, Sinh trú quán: Thôn 1, xã Q H, thành phố S S, tỉnh T H, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Trình độ văn hóa: Lớp 9/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do, Bố: Đỗ Đình Th; Sinh năm: 1964, Mẹ: Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1967, Cả bố và mẹ đều làm ruộng và trú tại Thôn 1, xã QH, thành phố SS, tỉnh T H; anh chị em ruột có hai người, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 22/6/2017 tại trại tạm giam Công an tỉnh HT cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Đình Q, Sinh ngày: 25/04/1997, Sinh trú quán: Thôn 1, xã Q H, thành phố SS, tỉnh T H, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Trình độ văn hóa: Lớp 9/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do, Bố: Đỗ Đình T; Sinh năm: 1973, Mẹ: Phạm Thị N; Sinh năm: 1980, Cả bố và mẹ đều làm ruộng và trú tại Thôn 1, xã QH, thành phố S S, tỉnh T H, anh chị em ruột có hai người, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 22/6/2017 tại trại tạm giam Công an tỉnh H T cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Đặng Đình H, Sinh ngày: 24/03/1998, Sinh trú quán: Thôn 9, xã QG, huyện Q X, tỉnh T H, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Trình

độ văn hóa: Lớp 11/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do, Bố: Đặng Đình L; Sinh năm: 1973, Mẹ: Lê Thị H; Sinh năm: 1977, Cả bố và mẹ đều làm ruộng và trú tại Thôn 9, xã QG, huyện Q X, tỉnh T H, anh chị em ruột có ba người, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 22/6/2017 tại trại tạm giam Công an tỉnh H T cho đến nay.

4. Lê Văn Q, Sinh ngày: 18/03/1987, Sinh trú quán: Thôn 1, xã QH, thành phố S S, tỉnh T H, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Trình độ văn hóa: Lớp 8/12, Nghề nghiệp: Lai xe, Bố: Lê Văn Đ; Sinh năm: 1948, Mẹ: Lê Thị T; Sinh năm: 1952, Cả bố và mẹ đều làm ruộng và trú tại Thôn 1, xã QH, thành phố S S, tỉnh T H, anh chị em ruột có ba người, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Đỗ Thị Ph; sinh năm 1987, nghề nghiệp: Giáo viên mầm non, trú tại: thôn 1, xã Q H, huyện Q X, tỉnh T H, con có 02 đứa, đứa lớn nhất sinh năm 2011, đứa nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 22/6/2017 tại trại tạm giam Công an tỉnh H T cho đến nay.

5. Đới Văn V, Sinh ngày: 12/01/1986, Sinh trú quán: Thôn 5, xã QH, huyện Q X, tỉnh T H, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Trình độ văn hóa: Lớp 8/12, Nghề nghiệp: Làm ruộng, Bố: Đới Văn M; Sinh năm: 1950 (bố đã mất), Mẹ: Lê Thị T; Sinh năm: 1954, hiện nay mẹ đang làm ruộng và trú tại xã Q H, huyện Q X, tỉnh T H; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ tư. Vợ: Đào Thị Y, sinh năm 1990, nghề nghiệp: Làm ruộng, trú tại thôn 5, xã Q H, huyện Q X, tỉnh T H. Con: có 01 đứa, sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 22/6/2017 đến ngày 28/6/2017 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H T cho đến ngày 02/08/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn và cho gia đình bảo lãnh.

6. Lê Xuân V, Sinh ngày: 02/01/1993, Sinh trú quán: Thôn 1, xã QH, thành phố S S, tỉnh T H, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Trình độ văn hóa: Lớp 12/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do, Bố: Lê Văn B; Sinh năm: 1971, Mẹ: Lê Thị H; Sinh năm: 1971 (đã mất), hiện nay bố đang làm mộc và trú tại xã Q H, thành phố S S, tỉnh Thanh Hóa, anh chị em ruột có hai người, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/6/2017 đến ngày 27/6/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Bà Phan Thị L, sinh năm 1973, trú tại: Thôn 4, xã Cẩm T, huyện CX, tỉnh H T; Nghề nghiệp: Buôn bán, có mặt.
2. Bà Nguyễn Thị Tuấn A, sinh năm 1970; Trú tại: Thôn 5, xã Cẩm T, huyện C X, tỉnh HT; nghề nghiệp: buôn bán, có mặt.
3. Bà Võ Thị B, sinh năm 1970; Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn Cẩm X, huyện C X, tỉnh HT nghề nghiệp: buôn bán, có mặt.
4. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1978; Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn Cẩm X, huyện C X, tỉnh HT; nghề nghiệp: buôn bán, có mặt.

5. Chị Đặng Thị Tr, sinh năm 1995; Trú tại: Tổ dân phố 13, thị trấn Cẩm X, huyện C X, tỉnh HT; nghề nghiệp: buôn bán, vắng mặt.
6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Trú tại: Tổ dân phố 12, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện CX, tỉnh HT; nghề nghiệp: buôn bán, vắng mặt.
7. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962; Trú tại: Thôn Trần Phú, thị trấn Thiên Cẩm, huyện CX, tỉnh HT; nghề nghiệp: Buôn bán, có mặt.
8. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ dân phố Hưng Long, thị trấn Thiên Cẩm, huyện CX, tỉnh HT; nghề nghiệp: buôn bán, vắng mặt.
9. Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1998; Trú tại: Thôn 1, xã Cẩm L, huyện CX, tỉnh HT; nghề nghiệp: học sinh, có mặt.

*** Nhân Chứng:**

1. Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn Thọ Châu, xã M C, huyện Thọ X, tỉnh T H, có mặt
2. Ông Đặng Đình L, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn 9, xã QG, huyện QX, tỉnh TH, có mặt
3. Chị Phạm Thị N, sinh 1980; Trú tại: Thôn 6, xã Q H, thành phố S S, tỉnh T H, có mặt
4. Ông Lê Văn B, sinh 1971; Trú tại: Thôn 1, xã Q H, thành phố S S, tỉnh TH, có mặt
5. Anh Đới Văn C, sinh 1978; Trú tại: Thôn 5, xã QH, huyện QX, tỉnh TH, vắng mặt

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Đỗ Thị Ph, sinh 1987; Trú tại: Thôn 1, xã Q H, thành phố S S, tỉnh TH, có mặt
2. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh 1992; Trú tại: Thôn 1, xã Q H, thành phố SS, tỉnh T H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Lê Văn Q, Đới Văn V, Lê Xuân V bị Viện kiểm sát nhân dân huyện CX, tỉnh HT truy tố về hành vi phạm tội như sau: Trong quá trình nộp thẻ điện thoại để sử dụng, Đỗ Đình P nảy sinh ý định dùng thẻ điện thoại đã sử dụng để khi mua thẻ sẽ đánh tráo thẻ đã sử dụng lấy thẻ chưa sử dụng của những người bán thẻ điện thoại. Để thực hiện được ý đồ của mình, Đỗ Đình P dùng băng dính (loại băng dính trong suốt) dán lên phần tráng bạc trên thẻ, rồi bóc ra làm xuất hiện các con số của thẻ để nộp vào điện thoại của mình để sử dụng, rồi dán lại phần tráng bạc đã bóc tách như ban đầu (băng dính thường khó phát hiện thẻ đã sử dụng). Đồng thời Đỗ Đình P dùng kéo cắt góc của hai tờ tiền có mệnh giá 500.000đ, để sau khi mua thẻ và trả tiền, chủ cửa hàng sẽ không nhận tiền (vì tiền bị mất góc) lấy cơ đó để trả lại thẻ và lợi dụng lúc trả thẻ người bán không để ý sẽ tráo đổi thẻ điện thoại đã sử dụng lấy thẻ chưa sử dụng. Với thủ đoạn nêu trên, Đỗ Đình P đã chuẩn bị khoảng 60 chiếc thẻ điện thoại của

nhà mạng Viettel (loại thẻ có mệnh giá 100.000đ) đã sử dụng như đã nêu trên và hai tờ tiền có mệnh giá 500.000đ đã cắt góc để đi lừa tráo đổi thẻ điện thoại.

Sáng ngày 18/6/2017, Đỗ Đình P rủ Đặng Đình H, Đỗ Đình Q, Lê Văn Q, Đới Văn V và Lê Xuân V thuê xe ô tô BKS: 36A-135.10 của anh Đặng Tùng Lâm (nói là thuê xe để đi chơi) do Lê Văn Q điều khiển, đi từ tỉnh Thanh Hóa vào tỉnh HT để lừa tráo đổi thẻ điện thoại. Trên đường đi, Đỗ Đình P đưa cho Đặng Đình H và Đỗ Đình Q mỗi người một tập thẻ điện thoại đã sử dụng và 600.000đ (trong đó có một tờ tiền có mệnh giá 500.000đ đã cắt góc) để thực hiện việc lừa tráo đổi thẻ điện thoại.

Sau khi nghỉ tại thị trấn Cẩm X, tỉnh HT, sáng ngày 20/6/2017, Lê Văn Q điều khiển xe ô tô chở Đỗ Đình P, Đặng Đình H, Đỗ Đình Q, Lê Văn Q, Đới Văn V và Lê Xuân V, đi từ thị trấn Cẩm Xuyên, theo đường Tỉnh Lộ 4, xuống thị trấn Thiên C để quan sát và tìm các cửa hàng bán thẻ điện thoại, rồi quay lại theo hướng lên thị trấn Cẩm Xuyên đi vào các cửa hàng giả vờ mua thẻ để đánh tráo thẻ điện thoại.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Văn Q dừng xe ở ngoài đường, để Đỗ Đình Q đi vào cửa hàng tạp hóa của anh Nguyễn Văn D, ở tổ dân phố Trần Phú, thị trấn Thiên C hỏi mua 06 thẻ điện thoại nhà mạng Viettel, thì anh D đưa cho Q 06 thẻ điện thoại (loại thẻ có mệnh giá 100.000đ). Đỗ Đình Q cầm lấy thẻ điện thoại bỏ vào túi quần, rồi lấy tiền và 06 thẻ điện thoại đã sử dụng ở túi quần khác ra cầm ở tay để thanh toán cho anh D. Khi nhận tiền, anh D phát hiện tờ tiền có mệnh giá 500.000đ bị rách ở góc và yêu cầu Q đổi tờ khác, nhưng Q lấy lý do đã hết tiền nên không mua nữa và đưa lại cho anh D 06 thẻ điện thoại đã sử dụng mà Q đang cầm trên tay. Do không biết đó là thẻ đã bị đánh tráo nên anh Nguyễn Văn D nhận lại thẻ và trả lại tiền cho Đỗ Đình Q. Sau khi lừa tráo đổi được thẻ điện thoại, Đỗ Đình Q lên xe ô tô và đưa thẻ điện thoại đã tráo đổi được cho Đỗ Đình P.

Sau khi lừa tráo đổi thẻ điện thoại của anh Nguyễn Văn D, Lê Văn Q tiếp tục điều khiển xe ô tô chở Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Đới Văn V và Lê Xuân V đi theo đường Tỉnh Lộ 4, hướng lên thị trấn Cẩm X để tiếp tục lừa tráo đổi thẻ điện thoại. Đến khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, Lê Văn Q dừng xe ở ngoài đường, để Đặng Đình H đi vào cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị D, ở tổ dân phố Hưng Long, thị trấn Thiên C. Cũng với thủ đoạn tương tự, Đặng Đình H hỏi mua 06 thẻ điện thoại nhà mạng Viettel, thì chị D đưa cho Huy 06 thẻ điện thoại (loại thẻ có mệnh giá 100.000đ). Huy cầm lấy thẻ bỏ vào túi quần, rồi lấy tiền và 06 thẻ điện thoại đã sử dụng ở túi quần khác ra cầm ở tay để thanh toán cho chị D. Khi nhận tiền, chị D phát hiện tờ tiền có mệnh giá 500.000đ bị rách ở góc và yêu cầu Huy đổi lại tờ khác, nhưng H lấy lý do đã hết tiền rồi nên không mua nữa và đưa lại cho chị D 06 thẻ điện thoại đã sử dụng mà H đang cầm trên tay. Do không biết đó là thẻ đã bị đánh tráo, nên chị Nguyễn Thị D nhận lại và trả lại tiền cho

Đặng Đình H. Sau khi lừa tráo đổi được thẻ điện thoại, Đặng Đình H lên xe ô tô và đưa thẻ điện thoại đã tráo đổi được cho Đỗ Đình P.

Sau đó Lê Văn Q tiếp tục điều khiển xe ô tô chở Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Đới Văn V và Lê Xuân V đi theo đường Tỉnh Lộ 4, hướng lên thị trấn Cẩm X để tiếp tục lừa tráo đổi thẻ điện thoại. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Văn Q dừng xe ở ngoài đường, để Đỗ Đình Q đi vào cửa hàng tạp hóa của chị Phan Thị L, ở thôn 4, xã Cẩm T, huyện CX hỏi mua 06 thẻ điện thoại nhà mạng Viettel, thì chị L đưa cho Đỗ Đình Q 06 thẻ điện thoại (loại thẻ có mệnh giá 100.000đ). Đỗ Đình Q cầm lấy thẻ bỏ vào túi quần rồi lấy tiền và 06 thẻ điện thoại đã sử dụng ở túi quần khác ra cầm ở tay để thanh toán cho chị L. Khi nhận tiền, chị phát hiện tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng bị rách ở góc và yêu cầu Đỗ Đình Q đổi tờ khác, nhưng Q lấy lý do đã hết tiền rồi nên không mua nữa và đưa lại cho chị L 06 thẻ điện thoại đã sử dụng mà Q đang cầm trên tay. Do không biết đó là thẻ đã bị đánh tráo, nên chị Phan Thị L nhận lại thẻ và trả lại tiền cho Đỗ Đình Q. Sau khi lừa tráo đổi được thẻ điện thoại, Đỗ Đình Q lên xe ô tô và đưa thẻ điện thoại đã tráo đổi được cho Đỗ Đình P.

Sau đó Lê Văn Q tiếp tục điều khiển xe ô tô chở Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Đới Văn V và Lê Xuân V đi theo đường Tỉnh Lộ 4, lên xã Cẩm T, huyện CX để tiếp tục lừa tráo đổi thẻ điện thoại. Đến khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, Lê Văn Q dừng xe ở ngoài đường, để Đặng Đình H đi vào cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị Tuấn A, ở thôn 5, xã Cẩm T hỏi mua 06 thẻ điện thoại nhà mạng Viettel, thì chị A đưa ra một tấm thẻ điện thoại (gồm 06 cái) đưa cho H. H cầm lấy tấm thẻ bóc tách ra thành từng cái một bỏ vào túi quần, rồi lấy tiền và 06 thẻ điện thoại đã sử dụng ở túi quần khác ra cầm ở tay để thanh toán cho chị A. Khi nhận tiền, chị Anh phát hiện tờ tiền có mệnh giá 500.000đ bị rách ở góc và yêu cầu H đổi tờ khác, nhưng H lấy lý do đã hết tiền rồi nên không mua nữa và đưa lại cho chị A 06 thẻ điện thoại đã sử dụng mà H đang cầm trên tay. Do không biết đó là thẻ đã bị đánh tráo nên chị Nguyễn Thị Tuấn A nhận lại thẻ và trả lại tiền cho Đặng Đình H. Sau khi lừa tráo đổi được thẻ điện thoại, Đặng Đình H lên xe ô tô và đưa thẻ điện thoại đã tráo đổi được cho Đỗ Đình P.

Sau đó Lê Văn Q tiếp tục điều khiển xe ô tô chở Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Đới Văn V và Lê Xuân V đi theo đường Tỉnh Lộ 4, lên thị trấn Cẩm X để tiếp tục lừa tráo đổi thẻ điện thoại. Đến khoảng 11 giờ 50 phút cùng ngày, Lê Văn Q dừng xe ở ngoài đường, để Đỗ Đình Q đi vào cửa hàng tạp hóa của chị Võ Thị B, ở tổ dân phố 8, thị trấn Cẩm X hỏi mua 06 thẻ điện thoại nhà mạng Viettel, thì chị B đưa cho Quang 06 thẻ điện thoại (loại thẻ có mệnh giá 100.000đ). Đỗ Đình Q cầm lấy thẻ bỏ vào túi quần rồi lấy tiền và 06 thẻ điện thoại đã sử dụng ở túi quần khác ra cầm ở tay để thanh toán cho chị B. Khi nhận tiền, chị B phát hiện tờ tiền có mệnh giá 500.000đ bị rách ở góc và yêu cầu Đỗ Đình Q đổi tờ tiền khác, nhưng Q lấy lý do đã hết tiền rồi nên không mua nữa và đưa lại cho chị B 06 thẻ

điện thoại đã sử dụng mà Quang đang cầm trên tay. Do không biết đó là thẻ đã bị đánh tráo nên chị Võ Thị B nhận lại thẻ và trả lại tiền cho Đỗ Đình Q.

Đỗ Đình Q tiếp tục đi bộ sang cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị Ng, ở gần đó, (lúc này khoảng 11 giờ 55 phút cùng ngày). Đỗ Đình Q đi vào cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị Ng, cũng với thủ đoạn tương tự, Đỗ Đình Q hỏi mua 06 thẻ điện thoại nhà mạng Viettel thì chị Nga đưa cho Q 06 thẻ điện thoại (mệnh giá 100.000đ). Q cầm lấy thẻ bỏ vào túi quần rồi lấy tiền và 06 thẻ điện thoại đã sử dụng ra cầm ở tay để thanh toán cho chị Ng. Khi nhận tiền, chị Ng phát hiện tờ tiền có mệnh giá 500.000đ bị rách ở góc và yêu cầu Q đổi tờ khác nhưng Q lấy lý do đã hết tiền nên không mua nữa và lấy thẻ điện thoại đã cầm trên tay trả lại cho chị Ng. Do không biết đó là thẻ đã bị đánh tráo nên chị Nguyễn Thị Ng nhận lại thẻ và trả lại tiền cho Đỗ Đình Q. Sau khi lừa tráo đổi được thẻ điện thoại của chị B và chị Ng, Đỗ Đình Q lên xe ô tô và đưa thẻ điện thoại đã tráo đổi được cho Đỗ Đình P.

Sau đó, Lê Văn Q tiếp tục điều khiển xe ô tô chở Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Đới Văn V và Lê Xuân V đi lên tổ dân phố 13, thị trấn Cẩm Xuyên để tiếp tục lừa tráo đổi thẻ điện thoại. Đến khoảng 12 giờ 05 phút cùng ngày, Lê Văn Q dừng xe ở ngoài đường, để Đặng Đình H đi vào cửa hàng tạp hóa của chị Đặng Thị Tr, ở tổ dân phố 13, thị trấn Cẩm Xuyên, hỏi mua 06 thẻ điện thoại Viettel, thì chị Trang đưa cho Huy 06 thẻ điện thoại (mệnh giá 100.000đ). Huy cầm lấy thẻ bỏ vào túi quần rồi lấy tiền và 06 thẻ điện thoại đã sử dụng ở túi quần khác ra cầm ở tay để thanh toán cho chị Trang. Khi nhận tiền chị Trang phát hiện tờ tiền có mệnh giá 500.000đ bị rách ở góc và yêu cầu Huy đổi tờ khác, nhưng Huy lấy lý do đã hết tiền rồi nên không mua nữa và đưa lại cho chị Trang 06 thẻ điện thoại đã sử dụng mà Huy đang cầm trên tay. Do không biết đó là thẻ đã bị đánh tráo nên chị Đặng Thị Tr nhận lại thẻ và trả lại tiền cho Đặng Đình H. Sau khi lừa tráo đổi được thẻ điện thoại, Đặng Đình H lên xe ô tô và đưa thẻ điện thoại đã tráo đổi được cho Đỗ Đình P.

Sau đó, Lê Văn Q tiếp tục điều khiển xe ô tô chở Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Đới Văn V và Lê Xuân V đi theo đường Quốc lộ 1A lên tổ dân phố 12, thị trấn Cẩm X để tiếp tục lừa tráo đổi thẻ điện thoại. Đến khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày, Lê Văn Q dừng xe ở ngoài đường, để Đặng Đình H đi vào cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị H, ở tổ dân phố 12, thị trấn Cẩm X hỏi mua 06 thẻ điện thoại Viettel, thì chị H đưa cho Huy 06 thẻ điện thoại (mệnh giá 100.000đ). Huy cầm lấy thẻ bỏ vào túi quần rồi lấy tiền và 06 thẻ điện thoại đã sử dụng ở túi quần khác ra cầm ở tay để thanh toán cho chị H. Khi nhận tiền chị H phát hiện tờ tiền có mệnh giá 500.000đ bị rách ở góc và yêu cầu H đổi tờ khác, nhưng H lấy lý do đã hết tiền rồi nên không mua nữa và đưa lại cho chị H 06 thẻ điện thoại đã sử dụng mà H đang cầm trên tay. Do không biết đó là thẻ đã bị đánh tráo nên chị Nguyễn Thị H nhận lại thẻ và trả lại tiền cho Đặng Đình H. Sau khi lừa tráo đổi được thẻ điện thoại, Đặng Đình H lên xe ô tô và đưa thẻ điện thoại đã tráo đổi cho Đỗ Đình P.

Sau đó Lê Văn Q tiếp tục điều khiển xe ô tô chở Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Đới Văn V và Lê Xuân V tiếp tục đi theo đường Quốc lộ 1A vào xã Cẩm L để tiếp tục lừa tráo đổi thẻ điện thoại. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Văn Q dừng xe dừng xe ở ngoài đường, để Đỗ Đình Q đi vào cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị Thùy D, ở thôn 1, xã Cẩm L, hỏi mua 06 thẻ điện thoại Viettel, nhưng do không đủ số thẻ điện thoại nên chị D đưa cho Đỗ Đình Q 04 thẻ điện thoại (mệnh giá 100.000đ). Q cầm lấy thẻ bỏ vào túi quần, rồi lấy tiền và 04 thẻ điện thoại đã sử dụng ở túi quần khác ra cầm ở tay để thanh toán cho Dung. Khi nhận tiền chị D phát hiện tờ tiền có mệnh giá 500.000đ bị rách ở góc và yêu cầu Q đổi tờ khác, nhưng Q lấy lý do đã hết tiền rồi nên không mua nữa và đưa lại cho chị D 04 thẻ điện thoại đã sử dụng mà Q đang cầm ở trên tay. Do không biết đó là thẻ đã bị đánh tráo nên chị Nguyễn Thị Thùy D nhận lại thẻ và trả lại tiền cho Đỗ Đình Q. Sau khi lừa tráo đổi được thẻ điện thoại, Đỗ Đình Q lên xe ô tô và đưa thẻ điện thoại đã tráo đổi được cho Đỗ Đình P.

Sau mỗi lần lừa đánh tráo được thẻ điện thoại, Đỗ Đình P cào thẻ và đọc các số trên thẻ cho cho Lê Xuân V và Đới Văn V ghi vào sổ, sau đó Đỗ Đình P nộp vào tài khoản Game để sử dụng.

Trong quá trình lấy thẻ điện thoại để bán cho khách hàng, phát hiện thẻ bị dính băng dính trên phần che lấp các con số và nghi ngờ Đỗ Đình Q và Đặng Đình H lừa tráo đổi thẻ điện thoại đã sử dụng khi vào mua thẻ, nên anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị D, Phan Thị L, Nguyễn Thị Tuấn A, Võ Thị B, Nguyễn Thị Ng, Đặng Thị Tr, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Thùy D trình báo và giao nộp 52 thẻ điện thoại mà Đỗ Đình Q và Đặng Đình H trả lại khi mua thẻ cho Cơ quan điều tra Công an huyện CX. Cơ quan điều tra Công an huyện CX yêu cầu Chi nhánh Viettel Hà Tĩnh tại huyện CX xác định 52 thẻ điện thoại nhà mạng Viettel mà các bị hại giao nộp còn có giá trị sử dụng hay không. Kết quả Chi nhánh Viettel Hà Tĩnh tại huyện CX xác định 52 thẻ điện thoại nhà mạng Viettel mà các bị hại giao nộp nói trên không còn giá trị, do thẻ đã sử dụng.

Tài sản mà Đỗ Đình P cùng các đồng phạm lừa đảo chiếm đoạt của những người bán thẻ điện thoại là 52 thẻ điện thoại nhà mạng Viettel, mỗi thẻ có mệnh giá 100.000đ, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.200.000đ, trong đó: của anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị D, ở thị trấn Thiên C, huyện CX; của chị Phan Thị L, Nguyễn Thị Tuấn A ở xã Cẩm T, huyện CX; Võ Thị B, Nguyễn Thị Ng, Đặng Thị Tr và Nguyễn Thị H, ở thị trấn Cẩm X, mỗi người 06 thẻ, trị giá 600.000đ và của chị Nguyễn Thị Thùy D, ở xã Cẩm L, huyện CX 04 thẻ, trị giá 400.000đ.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện CX đã thu giữ các vật chứng bao gồm: Thu của anh Nguyễn Văn D 06 thẻ điện thoại; Thu của chị Nguyễn Thị D 06 thẻ điện thoại; Thu của chị Phan Thị L 06 thẻ điện thoại; Thu của chị Nguyễn Thị Tuấn A 06 thẻ điện thoại; Thu của chị Võ Thị B 06 thẻ điện

thoại; Thu của chị Nguyễn Thị Ng 06 thẻ điện thoại; Thu của chị Đặng Thị Tr 06 thẻ điện thoại; Thu của chị Nguyễn Thị H 06 thẻ điện thoại; Thu của chị Nguyễn Thị Thùy D 04 thẻ điện thoại, đều của nhà mạng Viettel, loại thẻ có mệnh giá 100.000đ mà Đỗ Đình Q và Huy đã trao đổi (Các thẻ điện thoại nói trên đều dính băng dính trên phần che lắp các con số); Thu trên xe ô tô BKS: 36A-135.10 một điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy mà Đỗ Đình P dùng để nộp thẻ điện thoại sau khi đánh tráo được; hai cuộn băng dính trong suốt loại nhỏ có chiều rộng 01cm, một hộp dao lam, một cái kéo, một cuốn sổ có ghi các số; một cái bút, một ví da màu đen bên trong có một thẻ ATM (ngân hàng BIDV) mang tên Nguyễn Văn Đ cùng với số tiền 1.200.000đ các bị các sử dụng để lừa đảo (Trong đó có 02 tờ mệnh giá 500.000đ bị cắt góc) và 07 thẻ điện thoại của nhà mạng Viettel có dính băng dính trên phần che lắp các con số (loại thẻ có mệnh giá 100.000đ thẻ đã qua sử dụng); Thu trong người Lê Văn Q một điện thoại di động Nokia 1200, một thẻ ATM (ngân hàng Agribank) mang tên Đỗ Thị Ph. Điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy đã trả lại cho chị Tào Thị Y (Phi mượn của chị yền sử dụng, khi mượn chị Y không biết Phi sử dụng vào việc nộp thẻ điện thoại sau khi đánh tráo); Một thẻ ATM (ngân hàng BIDV) đã trả lại cho Nguyễn Văn Đ; Một thẻ ATM (ngân hàng Agribank) đã trả lại cho Đỗ Thị Ph. Còn các vật chứng khác chưa xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường lại toàn bộ giá trị thẻ điện thoại đã bị đánh tráo với tổng số tiền 5.200.000đ, trong đó: anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị D, Phan Thị L, Nguyễn Thị Tuấn A, Võ Thị B, Nguyễn Thị Ng, Đặng Thị Tr, Nguyễn Thị H mỗi người 600.000đ; chị Nguyễn Thị Thùy D 400.000đ. Trong quá trình điều tra, Đới Văn V và Lê Xuân V đã tự nguyện nộp số 1.734.000đ (mỗi người 867.000đ) để bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

Với hành vi nêu trên Viện kiểm sát nhân dân huyện CX đã truy tố bị cáo Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Lê Văn Q, Đới Văn V, Lê Xuân V về tội“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Bộ luật hình sự xử phạt Đỗ Đình P từ 8 đến 10 tháng tù, Đỗ Đình Q từ 6 đến 8 tháng tù, Đặng Đình H từ 6 đến 8 tháng tù, Lê Văn Q từ 6 đến 8 tháng tù, áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, điều 60 BLHS xử phạt: Đới Văn V từ 6 đến 8 tháng tù, cho hưởng án treo, Lê Xuân V từ 6 đến 8 tháng tù, cho hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện CX, Viện kiểm sát nhân dân huyện CX, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Lê Văn Q, Đới Văn V, Lê Xuân V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của của những người bị hại, nhân chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: sáng ngày 20.6.2017 Đỗ Đình P và các đồng phạm lừa của anh Nguyễn Văn D 06 thẻ điện thoại, sau đó Phi và các đồng phạm lại đến cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị D lừa tiếp 06 thẻ điện thoại và đến cửa hàng chị Phan Thị L lừa 06 thẻ điện thoại, tiếp tục đến cửa hàng chị Nguyễn Thị Tuấn A lừa 06 thẻ điện thoại, tiếp tục đến cửa hàng chị bà Võ Thị B lừa 06 thẻ điện thoại, tiếp tục đến cửa hàng chị Nguyễn Thị Ng lừa 06 thẻ điện thoại, tiếp tục đến cửa hàng chị Đặng Thị Tr lừa 06 thẻ điện thoại, tiếp tục đến cửa hàng chị Nguyễn Thị H lừa 06 thẻ điện thoại, tiếp tục đến cửa hàng chị Nguyễn Thị Thùy D lừa 04 thẻ điện thoại. Tài sản mà Phi và đồng phạm lừa đảo để chiếm đoạt của những người bị hại nói trên có trị giá là 5.200.000đ.

[3]. Với nội dung vụ án như đã nêu, hành vi của các bị cáo Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Lê Văn Q, Đới Văn V, Lê Xuân V đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại Khoản 1, Điều 139 Bộ luật hình sự. Vì vậy, việc truy tố và xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người đúng tội, không oan sai. Vì vậy, bản cáo trạng số 31/Ctr-KSĐT ngày 25/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CX truy tố các bị cáo Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Lê Văn Q, Lê Xuân V, Đới Văn V là hoàn toàn chính xác. Tại phiên tòa lời luận tội của Viện kiểm sát để đánh giá đầy đủ tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đồng thời để có thể hóa vai trò vị trí cũng như mức án của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[4]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bằng thủ đoạn gian dối, các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi lừa đảo của các bị cáo có sự chuẩn bị từ trước, thủ đoạn tinh vi làm cho người bị hại không thể phát hiện và biết được nhằm chiếm đoạt tài sản. Nếu vụ án không phát hiện sớm thì các thẻ cào điện thoại sẽ tiếp tục bán cho người sử dụng. Người bị hại sẽ mất lòng tin đối với những khách hàng đến

mua thẻ điện thoại để sử dụng. Vì vậy sẽ ảnh hưởng xấu cho các chủ cửa hàng bán thẻ điện thoại, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5]. Xét về vai trò vị trí của từng bị cáo trong vụ án:

Đối với bị cáo Đỗ Đình P là người khởi xướng, là người chuẩn bị mọi điều kiện để cho Phi và đồng bọn thực hiện việc lừa đảo, vì vậy Đỗ Đình P là người có vai trò thứ nhất trong vụ án. Do vậy, mức án dành cho Đỗ Đình P sẽ cao hơn với các đồng phạm khác. Đối với bị cáo Đỗ Đình Q, Đặng Đình H là người thực hành, Lê Văn Q, Lê Xuân V và Đới Văn V đồng phạm với vai trò giúp sức.

[6] Xét về nhân thân: Các bị cáo đều xuất thân từ gia đình cơ bản, gia đình có hoàn cảnh thực sự khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận, bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS, hơn nữa trong quá trình điều tra bị cáo Lê Xuân V và Đới Văn V đã nộp số tiền bồi thường là 1.734.000đ (mỗi bị cáo nộp 867.000đ) cho người bị hại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CX, trong quá trình chuẩn bị xét xử, các bị cáo Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Lê Văn Q mặc dù bản thân đang bị tạm giam nhưng các bị cáo đã tác động gia đình đến nộp số tiền 3.470.000đ để bồi thường cho người bị hại (mỗi bị cáo nộp 866.000đ), vì vậy các bị cáo Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Lê Văn Q, Lê Xuân V và Đới Văn V được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tự nguyện bồi thường thiệt hại được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS.

[7]. Xét thấy số lượng tính ra tiền mà các bị hại bị lừa đảo không lớn, tổng tài sản chiếm đoạt trong vụ án là 5.200.000 đồng, nhưng xét tính chất, mức độ, hậu quả và ảnh hưởng xấu tới xã hội thì lớn, vì vậy để đảm bảo phòng ngừa tội phạm cần phải xử lý đủ nghiêm đối với các hành vi phạm tội của các bị cáo, phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có đủ điều kiện để tự rèn luyện chính mình, sống trở thành con người có ích cho xã hội. Các bị cáo Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H và Lê Văn Q hiện đang bị tạm giam. Để đảm bảo cho công tác thi hành án cần áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng Hình sự tiếp tục tạm giam các bị cáo trên với thời hạn 45 ngày sau khi tuyên án sơ thẩm.

Đối với bị cáo Lê Xuân V và Đới Văn V là đồng phạm với vai trò giúp sức, các bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo mà chỉ là người tham gia đi cùng, xét hoàn cảnh các bị cáo cũng hết sức khó khăn, đối với bị cáo Lê Xuân V trước khi tham gia hành vi lừa đảo bị tai nạn giao thông phải mổ não, hiện vẫn chưa bình phục, vì vậy để tạo điều kiện cho bị cáo Lê Xuân V và bị cáo Đới Văn V ăn năn hối cải, xét thấy không cần thiết phải cách ly 2 bị cáo V và V ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng điều 60 BLHS cho 02 bị cáo V và V được hưởng án treo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8]. Về vật chứng vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy 02 tờ tiền mệnh giá 500.000đ bị cắt góc và 07 thẻ điện thoại của nhà mạng Viettel có dính băng dính trên phần che lấp các con số (loại thẻ có mệnh giá 100.000đ thẻ đã qua sử dụng).

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và xét xử các bị cáo Đỗ Đình P, Đặng Đình H, Đỗ Đình Q, Lê Văn Q, Đới Văn V và Lê Xuân V đã nộp số tiền bồi thường trong đó: Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q và Đặng Đình H, Lê Văn Q nộp 3.467.000đ, tiền bồi thường thiệt hại cho các bị hại: Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị D, Phan Thị L, Nguyễn Thị Tuấn A, Võ Thị B, Nguyễn Thị Ng, Đặng Thị Tr, Nguyễn Thị H mỗi người 600.000đ; chị Nguyễn Thị Thùy D 400.000đ. Số tiền trên gia đình các bị cáo đã trả cho những người bị hại là Nguyễn Thị D, Phan Thị L, Võ Thị B, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Tuấn A, Nguyễn Thị H. Nay những người bị hại không có ý kiến gì thêm nên HĐXX miễn xét. Đới Văn V, Lê Xuân V đã nộp số tiền 1.734.000đ (mỗi bị cáo nộp 867.000đ) tại chi cục thi hành án dân sự huyện CX. Hiện nay bị hại Phan Thị L, Võ Thị B và Đặng Thị Tr chưa nhận tiền, sau khi án có hiệu lực trực tiếp đến chi cục thi hành án dân sự huyện CX để làm thủ tục nhận số tiền trên.

[10]. Các bị cáo Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Lê Văn Q, Đới Văn V, Lê Xuân V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

[11]. Các bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo **Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Lê Văn Q, Đới Văn V, Lê Xuân V** phạm tội ***“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”***.

[2] ***Áp dụng Khoản 1 Điều 139; điểm b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt:***

- Bị cáo Đỗ Đình P 8 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/6/2017.

- Bị cáo Đỗ Đình Q 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/6/2017.

- Bị cáo Đặng Đình H 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/6/2017.

- Bị cáo Lê Văn Q 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/6/2017.

[3] ***Áp dụng Khoản 1 Điều 139; điểm b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46, điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt:***

- Bị cáo Đới Văn V 6 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đới Văn V cho chính quyền địa phương xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Bị cáo Lê Xuân V 6 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Xuân V cho chính quyền địa phương xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

[4] *Về vật chứng:* áp dụng điều 41, điểm a, đ khoản 2 điều 76 BLTTHS: tịch thu tiêu hủy: 02 tờ tiền mệnh giá 500.000đ bị cắt góc và 07 thẻ điện thoại của nhà mạng Viettel có dính băng dính trên phần che lấp các con số (loại thẻ có mệnh giá 100.000đ thẻ đã qua sử dụng).

[5]. *Về án phí:* Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Khoản 1, Điều 21, Điểm a, Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đỗ Đình P, Đỗ Đình Q, Đặng Đình H, Lê Văn Q, Đới Văn V, Lê Xuân V, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. *Quyền kháng cáo bản án:* Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

T.M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HT;
- VKSND huyện CX (2 bản);
- THA huyện CX;
- Công an huyện CX;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan

- Lưu hồ sơ, án văn.